|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO****THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****Trường THPT Võ Văn Kiệt****ĐỀ CHÍNH THỨC** | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I****NĂM HỌC 2023 – 2024****Môn: VẬT LÝ Lớp: 10 BAN TỰ NHIÊN****Thời gian làm bài: 45 phút.**  |
| **Họ và tên thí sinh:.............................................................................. SBD:.....................** | **Mã đề thi****298** |

1. **PHẦN TRẮC NGHIỆM ( 7 điểm )**

**Câu 1.** Mục tiêu của môn Vật lí là:

 **A.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng, cũng như tương tác giữa chúng ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

 **B.** khám phá ra quy luật tổng quát nhất chi phối sự vận động của vật chất và năng lượng.

 **C.** khảo sát sự tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô.

 **D.** khám phá ra quy luật vận động cũng như tương tác của vật chất ở mọi cấp độ: vi mô, vĩ mô

**Câu 2.** Tại sao nói quỹ đạo có tính tương đối?

 **A.** Vì quỹ đạo của vật phụ thuộc vào hệ quy chiếu.

 **B.** Vì cùng quan sát một chuyển động nhưng các quan sát viên đứng ở những chỗ khác nhau trong cùng một hệ quy chiếu.

 **C.** Vì vật chuyển động nhanh chậm khác nhau ở từng thời điểm.

 **D.** Vì quỹ đạo thông thường là đường cong chứ không phải đường thẳng.

**Câu 3.** Phát biểu nào sau đây có liên quan đến tính tương đối của chuyển động?

 **A.** Một vật chuyển động với vận tốc 5 m/s.

 **B.** Một vật có thể xem là chuyển động so với vật này nhưng vẫn có thể xem là đứng yên so với vật khác.

 **C.** Một vật chuyển động thẳng đều.

 **D.** Một vật đứng yên so với Trái Đất.

**Câu 4.** Xe ô tô đang chuyển động thẳng với vận tốc 20 m/s thì bị hãm phanh chuyển động chậm dần đều. Quãng đường xe đi được từ lúc hãm phanh đến khi xe dừng hẳn là 100m. Gia tốc của xe là

 **A.** – 2 m/s2. **B.** 5 m/s2. **C.** 1 m/s2. **D.** – 1 m/s2.

**Câu 5.** Chất điểm là:

 **A.** một vật khi ta nghiên cứu chuyển động của nó trong một khoảng rất nhỏ

 **B.** một vật có kích thước rất nhỏ so với độ dài đường đi

 **C.** một vật có kích thước vô cùng bé

 **D.** một điểm hình học

**Câu 6.** Chọn đáp án **sai** khi nói về những quy tắc an toàn **trong phòng thí nghiệm:**

 **A.** Chỉ tiến hành thí nghiệm khi được sự cho phép của giáo viên hướng dẫn thí nghiệm.

 **B.** Đọc kĩ hướng dẫn sử dụng thiết bị và quan sát các chỉ dẫn, các kí hiệu trên các thiết bị thí nghiệm.

 **C.** Tắt công tắc nguồn thiết bị điện sau khi cắm hoặc tháo thiết bị điện.

 **D.** Kiểm tra cẩn thận thiết bị, phương tiện, dụng cụ thí nghiệm trước khi sử dụng.

**Câu 7.** Một người lái ô tô đi thẳng 6 km theo hướng Tây, sau đó rẽ trái đi thẳng theo hướng Nam 4 km rồi quay sang hướng Đông đi 3 km. Quãng đường đi được và độ dịch chuyển của ô tô lần lượt là

 **A.** 7 km; 13km. **B.** 13 km; 13 km. **C.** 4 km; 7 km. **D.** 13 km; 5km.

**Câu 8.** Trong các phương trình mô tả vận tốc v (m/s) của vật theo thời gian t (s) dưới đây, phương trình nào mô tả chuyển động thẳng biến đổi đều?

 **A.** v = 6t2 + 2t – 2. **B.** v = 5t – 4.

 **C.** v = 6t2 – 2. **D.** v = 7.

**Câu 9.** Một vận động viên tập luyện trong một bể bơi có chiều dài bể là 25m, vận động viên bơi 2 vòng bể và quay lại vị trí cũ. Vận tốc trung bình của vận động viên là

 **A.** 0 m/s. **B.** 25 m/s. **C.** 50 m/s. **D.** 100 m/s.

**Câu 10.** Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian của một vật chuyển động như hình vẽ. Vật chuyển động

|  |  |
| --- | --- |
| A graph of a function  Description automatically generated |  |

 **A.** cùng chiều dương với tốc độ 60 km/giờ. **B.** cùng chiều dương với tốc độ 20 km/giờ.

 **C.** ngược chiều dương với tốc độ 60 km/giờ. **D.** ngược chiều dương với tốc độ 20 km/giờ.

**Câu 11.** Công thức liên hệ giữa độ dịch chuyển, vận tốc và gia gia tốc của chuyển động nhanh dần đều là

 **A.** $v\_{0}^{2}-v^{2}=2ad.$ **B.** $v^{2}-v\_{0}^{2}=ad.$

 **C.** $v^{2}-v\_{0}^{2}=2ad.$ **D.** $v-v\_{0}=2ad.$

**Câu 12.** Kết luận nào sau đây là đúng khi nói về độ dịch chuyển và quãng đường đi được của một vật?

 **A.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng không âm.

 **B.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng vô hướng.

 **C.** Độ dịch chuyển là đại lượng vectơ, còn quãng đường đi được là đại lượng vô hướng.

 **D.** Độ dịch chuyển và quãng đường đi được đều là đại lượng vectơ.

**Câu 13.** Bạn C đứng yên trên sân ga vẫy tay tiễn bạn A và bạn B trên tàu hỏa. Khi tàu chuyển động, phát biểu nào sau đây là **sai**?



 **A.** Bạn A thấy bạn C đang chuyển động. **B.** Bạn B thấy bạn C đang đứng yên.

 **C.** Bạn C thấy bạn B đang chuyển động. **D.** Bạn A lại thấy bạn B đứng yên trên tàu.

**Câu 14.** Một đoàn tàu đang chạy với vận tốc 36 km/h thì hãm phanh chuyển động thẳng chậm dần đều để vào ga. Sau 2 phút thì dừng lại ở sân ga. Tính quãng đường mà tàu đi được trong thời gian hãm phanh. Chọn chiều dương là chiều chuyển động của tàu.

 **A.** 400 m. **B.** 500 m. **C.** 120 m. **D.** 600 m.

**Câu 15.** Trường hợp nào dưới đây quỹ đạo chuyển động của vật là đường thẳng?

 **A.** Chiếc lá rơi từ cành cây. **B.** Xe lửa chạy trên tuyến đường Bắc − Nam.

 **C.** Viên bi sắt rơi tự do. **D.** Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

**Câu 16.** Một chiếc thuyền chuyển động ngược dòng với vận tốc 14 km/h so với mặt nước. Nước chảy với vận tốc 9 km/h so với bờ. Vận tốc của thuyền so với bờ là

 **A.** v = 14 km/h. **B.** v = 21 km/h. **C.** v = 9 km/h. **D.** v = 5 km/h.

**Câu 17.** Khi đo lực kéo tác dụng lên vật m, kết quả thu được là F = 11,250 ± 0,075 N thì

 **A.** Sai số tuyệt đối của phép đo là 0,075 N. **B.** Sai số tương tối của phép đo là 0,075%.

 **C.** Giá trị trung bình của phép đo là 0,075 N. **D.** Kết quả chính xác của phép đo là 11,250 N.

**Câu 18.** Chọn phát biểu **đúng**

 **A.** Véc tơ độ dịch chuyển thay đổi phương liên tục khi vật chuyển động.

 **B.** Véc tơ độ dịch chuyển có độ lớn luôn bằng quãng đường đi được của chất điểm.

 **C.** Khi vật chuyển động thẳng không đổi chiều, độ lớn của véc tơ độ dịch chuyển bằng quãng đường đi được.

 **D.** Quãng đường cho ta biết chiều chuyển động nên luôn có giá trị dương.

**Câu 19.** Chọn câu **đúng**, đứng ở Trái đất, ta sẽ thấy:

 **A.** Mặt trời và mặt đất đứng yên, Mặt trăng quay quanh Trái đất

 **B.** Trái đất đứng yên, Mặt trời và Mặt trăng quay quanh Trái đất

 **C.** Mặt trời đứng yên, Trái đất quay quanh mặt trời, Mặt trăng quay quanh Trái đất.

 **D.** Mặt trời đứng yên, Trái đất và Mặt trăng quay quanh Mặt trời

**Câu 20.** Cân điện tử Xiaomi hiện lên số cân nặng của bạn Thy là 60,7 kg. Độ chia nhỏ nhất của cân đã dùng là

 **A.** 10 g. **B.** 0,1 kg. **C.** 1 kg. **D.** 10 kg.

**Câu 21.** Kết luận **đúng** về ảnh hưởng của vật lí đến một số lĩnh vực trong đời sống và kĩ thuật

 **A.** Vật lí là cơ sở của khoa học tự nhiên và công nghệ.

 **B.** Vật lí ảnh hưởng đến một số lĩnh vực: Thông tin liên lạc; Y tế; Công nghiệp; Nông nghiệp; Nghiên cứu khoa học.

 **C.** Dựa trên nền tảng vật lý các công nghệ mới được sáng tạo với tốc độ vũ bão.

 **D.** Tất cả các đáp án trên đều đúng.

**Câu 22. :** Chọn đáp án **sai** khi nói về những quy tắc an toànkhi làm việc với phóng xạ:

 **A.** Đảm bảo che chắn những cơ quan trọng yếu của cơ thể

 **B.** Mang áo phòng hộ và không cần đeo mặt nạ

 **C.** Giảm thời gian tiếp xúc với nguồn phóng xạ

 **D.** Tăng khoảng cách từ ta đến nguồn phóng xạ

**Câu 23.** Sai số hệ thống

 **A.** là do chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài.

 **B.** là sai số do cấu tạo dụng cụ gây ra.

 **C.** là sai số do điểm 0 ban đầu của dụng cụ đo bị lệch.

 **D.** không thể tránh khỏi khi đo.

**Câu 24.** Chọn ý **sai**?Sai số ngẫu nhiên

 **A.** là những sai sót mắc phải khi đo.

 **B.** có thể do khả năng giác quan của con người dẫn đến thao tác đo không chuẩn.

 **C.** chịu tác động của các yếu tố ngẫu nhiên bên ngoài.

 **D.** không có nguyên nhân rõ ràng.

**Câu 25.** Vectơ gia tốc của chuyển động thẳng biến đổi đều

 **A.** cùng hướng với vectơ vận tốc. **B.** ngược hướng với vectơ vận tốc.

 **C.** có phương vuông góc với vectơ vận tốc. **D.** có độ lớn không đổi.

**Câu 26.** Một vật bắt đầu chuyển động từ điểm O đến điểm A, sau đó chuyển động về điểm B (hình vẽ).Quãng đường và độ dời của vật tương ứng bằng



 **A.** 8m; -2m**. B.** 2m; 2m. **C.** 8m; -8m. **D.** 2m; -2m.

**Câu 27.** Đồ thị vận tốc – thời gian của một vật chuyển động được biểu diễn như hình vẽ. gia tốc của vật trong các giai đoạn từ t = 0 đến t1 = 20 s là



 **A.** 2 m/s2 **B.** – 1,5 m/s2 **C.** 1 m/s2 **D.** 2 m/s2

**Câu 28.** Gia tốc là một đại lượng

 **A.** Đại số, đặc trưng cho sự biến đổi nhanh hay chậm của chuyển động.

 **B.** Đại số, đặc trưng cho tính không đổi của vận tốc.

 **C.** Vectơ, đặc trưng cho sự biến đổi nhanh hay chậm của chuyển động.

 **D.** Vectơ, đặc trưng cho sự biến đổi nhanh hay chậm của vận tốc.

**B. PHẦN TỰ LUẬN ( 3 điểm)**

**Bài 1** **(1,0 điểm)**: Đồ thị độ dịch chuyển - thời gian của một chuyển động thẳng được vẽ trong Hình 

a) Hãy mô tả chuyển động. (khoảng thời gian nào xe đi theo chiều dương, theo chiều âm và dừng lại)

b) Xác định tốc độ và vận tốc của chuyển động trong khoảng thời gian từ  đến  giờ.

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài 2** **(1,0 điểm)**: Một đoàn tàu bắt đầu rời ga, chuyển độngthẳng nhanh dần đều, sau 20s đạt vận tốc 36km/h. a) Tính gia tốc của đoàn tàu.b) Xác định thời gian để tàu đạt vận tốc 54km/h kể từ lúc bắt đầu chuyển động? |  |



**Bài 3(1,0 điểm)**: Một người chạy xe máy theo một đường thẳng và có vận tốc theo thời gian được biểu diễn bởi đồ thị như hình. Xác định:

a) Tính độ dài quãng đường OM mà vật đi được

b) Tính độ dịch chuyển của người này từ khi bắt đầu chạy đến thời điểm 4s.

**\**

**------------- HẾT -------------**